

**CÔNG TY TNHH HOÀNG NHI QUÍ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOÀNG NHI QUÍ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703118522

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

249 Khu phố Nguyễn Trãi, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0934461851

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                       | 4530        |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                    | 4543        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa                                                  | 4610(Chính) |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                       | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ kinh doanh dược phẩm)                                                         | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                   | 4653        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                | 4659        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                  | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                        | 4669        |
| 10. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                   | 0210        |
| 11. | Khai thác gỗ<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                             | 0220        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)                                                                     | 4690        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>(Không hoạt động tại trụ sở) | 1629        |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                       | 4933        |
| 15. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>(Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                  | 5022        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                              | 7730                                                         |
| 17. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                  | 7820                                                         |
| 18. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                          | 7830                                                         |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                               | 3100                                                         |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                           | 4101                                                         |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4102                                                         |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                      | 4311                                                         |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                           | 4312                                                         |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4752                                                         |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4759                                                         |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4772                                                         |
| 27. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LẠI VĂN NHI    | Việt Nam  | Áp 5, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam      | 7.000.000.000         | 87,500    | 312084362                                                                                               |         |
| 2   | CAO HOÀNG QUÍ  | Việt Nam  | Áp 4, Xã Thuận Điền, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam          | 1.000.000.000         | 12,500    | 321296260                                                                                               |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LẠI VĂN NHI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 312084362

Ngày cấp: 14/06/2017

Nơi cấp: Công An Tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp 5, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp 5, Xã Tân Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương